TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/DS-ST
Ngày: 10/01/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Hùng.
2. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 189/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2017/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Kim A, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số 161, tổ 32, đường CT, khóm 6, phường CPA, T phố CĐ, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:*
1. Ông Dương Tấn T, sinh năm 1968.
2. Bà La Thị Thu T1, sinh năm 1968.
3. Anh Dương Tấn C, sinh năm 1996.

Cùng nơi cư trú: Số 828, tổ 20, ấp MP, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang.
(Bà Anh có mặt; ông T, bà T1 và anh C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Lâm Thị Kim A trình bày ý kiến: Vào ngày 08/6/2017 ông Dương Tấn T, bà La Thị Thu T1 và anh Dương Tấn C thỏa thuận vay của bà Kim A số tiền 610.000.000đ để đáo hạn ngân hàng, thời gian trả từ ngày 08/6/2017 đến ngày 16/7/2017, lãi suất theo quy định pháp luật, nhưng đến hạn ông T, bà T1 và anh C không trả vốn lãi, Nay bà Kim A yêu cầu ông T, bà T1 và anh C trả cho bà Kim A số tiền nợ vay 610.000.000đ và yêu cầu tính các khoản lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến nay. Ngoài ra bà Kim A yêu cầu tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 15/2017/QĐ-BPKCTT

ngày ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú để đảm bảo thi hành án.

* Bị đơn ông Dương Tấn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự ông T trình bày: Ông thừa nhận vào ngày 08/6/2017 ông cùng vợ là bà La Thị Thu T1 và con trai là Dương Tấn C có vay của bà Lâm Thị Kim A số tiền 610.000.000đ, thời hạn trả từ ngày 08/6/2017 đến ngày 16/7/2017, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên đến hạn không trả được. Nay bà Kim A kiện ông cùng vợ ông là bà T1 và con ông là C phải trả cho bà Kim A số tiền nợ vay 610.000.000đ ông cũng đồng ý. Tuy nhiên về phần tính lãi thì hiện gia đình ông gặp khó khăn nên sẽ về bàn tính lại với bà T1 và anh C về yêu cầu tính lãi và cách thức trả nợ.

* Bị đơn bà La Thị Thu T1 và anh Dương Tấn C vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì vụ án thuộc quan hệ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do vậy Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc loại kiện về tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, mà cụ thể là Tòa án nhân dân huyện Châu Phú do bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về trình tự và thủ tục khởi kiện:

Xét đây là vụ kiện không bắt buộc phải thông qua hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn nên bà Lâm Thị Kim A làm đơn khởi kiện trực tiếp ra Tòa án vẫn đúng quy định.

[1.4] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa hôm nay bà Kim A có mặt; ông T, bà T1 và anh C vắng mặt lần thứ hai không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T, bà T1 và anh C là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.5] Về thời hiệu khởi kiện: Xét thấy, vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 149 Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung:

Hợp đồng vay tài sản giữa bà Lâm Thị Kim A với ông Dương Tấn T, bà La Thị Thu T1 và anh Dương Tấn C thực tế đã xảy ra, thể hiện qua sự thừa nhận của ông Dương Tấn T và tờ hợp đồng vay nhận tiền nợ được lập ngày 08/6/2017 có chữ ký ông T, bà T1 cùng chữ ký và dấu lăn tay của anh C do bà Kim A cung cấp cho Tòa án. Theo đó vào ngày 08/6/2017 ông T, bà T1 và anh C thỏa thuận vay của bà Kim A số tiền 610.000.000đ và thời hạn thanh toán là

từ ngày 08/6/2017 đến ngày 16/7/2017. Nhưng từ khi vay đến nay phía ông T, bà T1 và anh C không thanh toán vốn lãi cho bà Kim A là vi phạm nghĩa vụ. Do vậy bà Kim A khởi kiện yêu cầu ông T, bà T1 và anh C có trách nhiệm trả cho bà Kim A số tiền nợ gốc 610.000.000đ và và yêu cầu các khoản tính lãi suất theo quy định của pháp luật là có căn cứ, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận. Như vậy số tiền ông T, bà T1 và anh C phải trả cho bà Kim A gồm nợ gốc là 610.000.000đ và các khoản lãi suất được tính như sau:

- Số tiền lãi trong hạn (từ ngày 08/6/2017 đến ngày 16/7/2017): 610.000.000đ x 20% : 12 tháng x 1,266666 tháng (38 ngày) = 12.877.000đ.

- Số tiền lãi của lãi chậm trả (từ ngày 17/7/2017 đến ngày 10/01/2018): 12.877.777đ x 10% : 12 tháng x 5,833333 tháng (175 ngày) = 626.000đ.

- Số tiền lãi quá hạn (từ ngày 17/7/2017 đến ngày 10/01/2018): 610.000.000đ x 30% : 12 tháng x 5,833333 tháng (175 ngày) = 88.958.000đ.

Tổng số các khoản lãi suất phải trả: 102.461.000đ.

Tổng cộng vốn và lãi: 610.000.000đ + 102.461.000đ = 712.461.000đ.

Đối với áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Xét cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 15/2017/QĐ-BPKCTT ngày ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc Phong tỏa tài sản quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH04241, cấp ngày 03 tháng 09 năm 2013, tờ bản đồ số 02, gồm các thửa 2426 có diện tích 3456m2, thửa 2442 có diện tích 1440m2, thửa 2448 có diện tích 432m2, thửa 2471 có diện tích 1440m2, mục đích sử dụng đất: Đất trồng lúa và thửa 2427 có diện tích 7004m2, mục đích sử dụng đất: Đất nuôi trồng thủy sản, tất cả đều tọa lạc tại xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang được cấp cho ông Dương Tấn T, sinh năm 1968; nơi cư trú: Ấp MP, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang và ông Dương C T tặng cho ông Dương Tấn C, sinh năm 1996; nơi cư trú: Ấp MP, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang theo hồ sơ số 005486 có xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CP vào ngày 10/7/2017 để bảo đảm việc thi hành án.

Đối với Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm: Xét cần huỷ bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 09/2017/QĐ-BPBĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Bà Lâm Thị Kim A là người đã thực hiện biện pháp bảo đảm được nhận lại toàn bộ tài sản bảo đảm là số tiền 120.000.000đ (một trăm hai chục triệu đồng) theo tài khoản số 67086830001938 tại Ngân hàng A chi nhánh huyện CP - An Giang.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Kim A được chấp nhận, nên bà Kim A không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Kim A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.908.000đ theo biên lai thu số 0017334 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Ông T, bà T1 và anh C phải chịu 32.498.000đ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận được quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Kim A đối với ông Dương Tấn T, bà La Thị Thu T1, anh Dương Tấn C.

Buộc ông Dương Tấn T, bà La Thị Thu T1, anh Dương Tấn C cùng có trách nhiệm trả cho bà Lâm Thị Kim A số tiền 712.461.000đ (bảy trăm mười hai triệu, bốn trăm sáu mươi mốt ngàn đồng).

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 15/2017/QĐ-BPKCTT ngày ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc Phong tỏa tài sản quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH04241, cấp ngày 03 tháng 09 năm 2013, tờ bản đồ số 02, gồm các thửa 2426 có diện tích 3456m2, thửa 2442 có diện tích 1440m2, thửa 2448 có diện tích 432m2, thửa 2471 có diện tích 1440m2, mục đích sử dụng đất: Đất trồng lúa và thửa 2427 có diện tích 7004m2, mục đích sử dụng đất: Đất nuôi trồng thủy sản, tất cả đều tọa lạc tại xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang được cấp cho ông Dương Tấn T, sinh năm 1968; nơi cư trú: Ấp MP, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang và ông Dương C T tặng cho ông Dương Tấn C, sinh năm 1996; nơi cư trú: Ấp Mỹ Phó, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang theo hồ sơ số 005486 có xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Phú vào ngày 10/7/2017 để bảo đảm việc thi hành án.

Huỷ bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 09/2017/QĐ-BPBĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Bà Lâm Thị Kim A là người đã thực hiện biện pháp bảo đảm được nhận lại toàn bộ tài sản bảo đảm là số tiền 120.000.000đ (một trăm hai chục triệu đồng) theo tài khoản số 67086830001938 tại Ngân hàng A chi nhánh huyện CP-An Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Kim A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.908.000đ (mười lăm triệu, chín trăm lẽ tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 0017334 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú. 15.908.000đ.

Ông T, bà T1 và anh C phải chịu 32.498.000đ (ba mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông T, bà T1 và anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Hậu